

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/DS-ST

Ngày 18-8-2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST-DS ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thuỳ T, sinh năm 1999; thường trú: Số 127/10, đường DX 105, tổ 80, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: Số 112, đường H, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Văn bản uỷ quyền ngày 16/3/2022. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1990; thường trú: Số 56/59, tổ 59, khu 7, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2022, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Do có quen biết nhau từ trước nên vào ngày 06/01/2022, bà Nguyễn Thị Thanh M có liên hệ với bà Lê Thị Thuỳ T để vay số tiền 150.000.000 đồng, việc cho vay không thoả thuận lãi suất, thời hạn vay 03 ngày từ ngày 06/01/2022. Khi vay tiền bà M có đưa cho bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 967638 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 07176 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình

Phước cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh M ngày 13/12/2021 (bản chính). Sau khi hết thời hạn vay, bà M không trả lại tiền cho bà T mà nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện. Vì vậy, bà T khởi kiện bà M yêu cầu bà M trả lại toàn bộ số tiền nợ đã vay 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/01/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử 18/8/2022 tạm tính 07 tháng 09 ngày với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 9.124.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đang giữ, bà T đồng ý trả lại cho bà M bản chính khi nào bà M thanh toán hết số tiền mà M còn nợ.

- Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Thanh M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/7/2022, tham gia phiên tòa vào ngày 29/7/2022 và ngày 18/8/2022 nhưng bà Nguyễn Thị Thanh M vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và Lê Thị Thuỳ T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 29/7/2022 và 18/8/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 06/01/2022, bà T có cho bà M vay số tiền 150.000.000 đồng, việc cho vay không có lãi suất, thời hạn 03 ngày, hai bên viết Giấy vay tiền cùng ngày 06/01/2022. Sau khi hết thời hạn trả nợ bà M không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình tố tụng, bà M đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập họp lệ và thông báo tìm kiếm tại nơi cư trú của bà M để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bà M về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong Giấy

vay tiền ngày 06/01/2022, đồng thời cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ trên cho bà T. Bà T khởi kiện yêu cầu bà M phải trả số nợ gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/01/2022 đến ngày toà án xét xử sơ thẩm 18/8/2022 là 07 tháng 09 ngày với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%.tháng) với số tiền là 9.124.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí đăng báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Bà Lê Thị Thuỳ T không phải chịu, bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 410, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 319 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thuỳ T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thuỳ T số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 9.124.000 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Thanh M phải trả cho bà Lê Thị Thuỳ T là 159.124.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày 19/8/2022, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3. Bà Lê Thị Thuỳ T phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 967638 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 07176 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh M ngày 13/12/2021 khi bà Nguyễn Thị Thanh M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị Thuỳ T.

2. Án phí sơ thẩm và chi phí đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Bà Lê Thị Thuỳ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho

bà Lê Thị Thuỳ T số tiền 3.906.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001115 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một. Bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 7.956.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 4.502.000 đồng chi phí đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú để trả lại cho bà Lê Thị Thuỳ T.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.TDM;
- Thi hành án TP.TDM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nguyệt Ánh